

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NAM ĐỊNH**

Bản án số: 37/2020/DS-PT

Ngày 27-7- 2020

V/v tranh chấp ranh giới quyền sử
dụng đất.

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu

Các Thẩm phán:

Ông Mai Anh Tuấn

Bà Vũ Thị Mai Hương

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Ngọc Quỳnh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa:

Ông Trần Mạnh Trường - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 35/2020/TLPT-DS ngày 08 tháng 5 năm 2020 về tranh chấp ranh giới quyền sử dụng đất.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 03/2020/DS - ST ngày 08 tháng 01 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 101/2020/QĐXXPT-DS ngày 16 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Mai Quang C (tức Mai Quang C1); sinh năm 1937; địa chỉ: Xóm 03, xã N, huyện N, tỉnh N.

- *Người đại diện theo ủy quyền của ông Mai Quang C:*

Anh Mai Văn Đ; sinh năm 1972 và chị Đới Thị M; sinh năm 1973; địa chỉ: Xóm 03, xã N, huyện N, tỉnh N. Theo văn bản ủy quyền ngày 08-7-2020.

- *Bị đơn:* 1. Ông Đinh Văn X; sinh năm 1969;

2. Bà Nguyễn Thị T; sinh năm 1970;

Cùng địa chỉ: Xóm 03, xã N, huyện N, tỉnh N.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Anh Mai Văn Đ;

2. Anh Mai Văn C2; sinh năm 1974;

3. Anh Mai Văn D; sinh năm 1975

Cùng địa chỉ: Xóm 03, xã N, huyện N, tỉnh N.

4. Chị Mai Thị X1; sinh năm 1970; địa chỉ: Thôn H, xã N1, huyện N, tỉnh N.

- *Người đại diện theo ủy quyền của anh Mai Văn C2, anh Mai Văn D, chị Mai Thị X1:*

Anh Mai Văn Đ; sinh năm 1972 và chị Đới Thị M; sinh năm 1973; địa chỉ: Xóm 03, xã N, huyện N, tỉnh N. Theo văn bản ủy quyền ngày 08-7-2020.

5. Chị Mai Thị S; sinh năm 1980; địa chỉ: Tổ dân phố 01, phường N, thị xã G, tỉnh Đ.

- *Người đại diện theo ủy quyền của chị Mai Thị S:*

Anh Mai Văn Đ; sinh năm 1972; địa chỉ: Xóm 03, xã N, huyện N, tỉnh N. Theo văn bản ủy quyền ngày 06-6-2019.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn: Ông Đinh Văn X.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Anh Đ, chị M, ông X, bà T có mặt. Những người tham gia tố tụng khác vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng tại Tòa án người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là anh Mai Văn Đ, những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án gồm: Anh Mai Văn C2, anh Mai Văn D, chị Mai Thị X1, chị Mai Thị S ủy quyền cho anh Mai Văn Đ tham gia tố tụng giải quyết vụ án. Anh Đ trình bày:

Anh là con trai của ông Mai Quang C (tức Mai Quang C1). Bố mẹ anh được thừa hưởng chế độ mẹ liệt sĩ của bà nội anh để lại là thửa đất số 533 tờ bản đồ 1b xã N lập năm 1986 với diện tích là 1.060m², trong đó đất ở là 290m², đất vườn 350m², đất ao 420m².

Năm 1970 bố mẹ anh xây dựng nhà 5 gian mái ngói quay hướng Nam và 3 gian bếp hướng Đông có gian bếp ở giữa lòi ra sau 1m (lúc đó nhà ông X ở bên cạnh chưa xây nhà) và còn một ngõ đi ở phía Tây 1m đi lên phía Bắc để ra đường, bên cạnh ngõ đi có một rãnh thoát nước. Theo bản đồ địa chính trích lục năm 1993 thì thửa đất của bố mẹ anh có cạnh Tây là một đường thẳng từ Bắc tới Nam và kéo thẳng lên tới cạnh Tây của 2m ngõ dùng chung cho nhà bố mẹ anh và nhà ông X.

Năm 1994 nhà bố mẹ anh chuyển đến ở nơi khác, cách thửa đất này 100m và thửa đất cạnh nhà ông X để không. Đến khoảng năm 1997 Nhà nước lấp sông phía Bắc sau nhà bố mẹ anh và bán cho các hộ dân nhưng vẫn giữ lại 2m ngõ để dùng chung giữa nhà bố mẹ anh và nhà ông X.

Trong thời gian bố mẹ anh không ở thửa đất trên, thì gia đình ông X đã tự ý xây dựng chuồng trại lấn chiếm S đất nhà bố mẹ anh, với các cạnh như sau:

Cạnh phía Bắc giáp ngõ đi 1,5m; cạnh phía Nam 1,5m; chiều dài là 36m tổng diện tích là 54m². Khi gia đình anh bàn việc xây nhà thờ chung trên diện tích đất này, thì hai bên gia đình xảy ra tranh chấp. Sau đó, gia đình anh có đơn đề nghị Ủy ban xã N hòa giải và giải quyết nhưng không thành. Nay bố anh yêu cầu vợ chồng ông Đinh Văn X và bà Nguyễn Thị T phải trả lại phần đất lấn sang nhà bố anh như sau: Cạnh phía Bắc giáp ngõ đi 1,5m; phía Nam 1,5m; chiều dài là 36m. Tổng diện tích là 54m².

Tại bản tự khai và quá trình tố tụng tại Tòa án bị đơn là ông Đinh Văn X trình bày:

Vợ chồng ông có quan hệ hàng xóm với nhà ông C, nhà ông C ở thửa đất phía Đông giáp thửa đất của vợ chồng ông. Diện tích đất vợ chồng ông đang sử dụng có nguồn gốc là do bố mẹ của ông tặng cho, vợ chồng ông đã được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, khi bố mẹ ông cho đất thì gia đình ông và gia đình nhà ông C đã nhận mô mốc với nhau. Phía Bắc là cây xoan, phía Nam là chuồng bò do vợ chồng ông xây. Gia đình ông C xây tường bao trước để xác định ranh giới giữa hai nhà và sử dụng ổn định từ năm 1994 cho đến nay. Trước đây, phía Bắc thửa đất của nhà ông là sông. Khoảng năm 1997 sau khi lấp sông xong, Nhà nước tách thửa và bán cho các hộ dân, vợ chồng ông đã đề nghị với UBND xã N xin 2m ngõ giáp với đất nhà ông K để đi và được chính quyền chấp nhận, sau đó vợ chồng ông đã xây dựng và tôn tạo ngõ đi đó từ đó cho đến nay.

Sau khi, gia đình ông C chuyển đến thửa đất khác thì gia đình ông C vẫn thường xuyên đi về hai bên gia đình vẫn sử dụng thửa đất như đã phân định. Khoảng tháng 5-2019 thì hai bên xảy ra tranh chấp, nguyên nhân chính là do gia đình ông C tự ý phá vườn chuối nhà ông và tự ý thuê máy múc về đào móng nhà lấn S đất nhà ông. Vợ chồng ông yêu cầu gia đình ông C dừng lại và làm đơn trình báo với chính quyền địa phương nhưng hòa giải không thành. Nay ông C khởi kiện cho rằng vợ chồng ông lấn S đất nhà ông C cạnh phía Bắc giáp ngõ đi 1,5m, cạnh phía Nam 1,5m, chiều dài là 36m. Tổng diện tích là 54 m² ông không nhất trí vì hai gia đình đã nhận mô mốc với nhau và sử dụng ổn định.

Bị đơn bà Nguyễn Thị T trình bày: Bà là vợ của ông Đinh Văn X. Khi lập gia đình với ông X được bố mẹ của ông X cho đất thì gia đình ông C và vợ chồng bà đã nhận mô mốc với nhau phía Bắc là cây xoan, phía Nam là chuồng bò do vợ chồng ông xây. Khi vợ chồng bà xây chuồng bò thì xây giáp đất nhà ông C, bên nhà ông C vẫn là ao và gia đình ông C không có ý kiến gì.

Tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 26-9-2019 thể hiện:

Thửa đất nhà ông C có vị trí: Phía Bắc giáp đất nhà ông K, ông S1, ông B dài 20,3m; phía Nam giáp ruộng dài 21m, phía Tây giáp đất nhà ông X và ông T2 dài 48,3m; phía Đông giáp ngõ đi dài 46,5m. có diện tích là 970,13m².

Thửa đất nhà ông X bà Thuỷ có vị trí: Phía Bắc giáp nhà ông T3 và ngõ đi chung dài 8,8m, phía Nam giáp đất nhà ông T2 và nhà ông C dài 9,1m; phía Đông giáp đất nhà ông C dài 37m; phía Tây giáp đất nhà anh N và anh M dài 22,9m và 13,3m. C2 diện tích là 324,08m².

Tại biên bản định giá ngày 26-9-2019 Hội đồng định giá xác định giá trị quyền sử dụng đất đối với đất thổ cư là 1.500.000 đồng/m²; đối với đất thổ canh là 1.000.000 đồng/m².

Kết quả xác minh tại Ủy ban nhân dân xã Nghĩa Trung cung cấp:

Về nguồn gốc đất của nhà ông Mai Quang C có trong hồ sơ 299; đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 2004 với diện tích là 1.060m², trong đó đất ở là 290m², đất vườn là 350m², đất ao là 420m².

Nguồn gốc đất của nhà anh Đinh Văn X và chị Nguyễn Thị T đang sử dụng trước đây là của bà Đinh Thị Nguyệt (là mẹ đẻ anh Đinh Văn X). Năm 1999 ông X bà T có nhận chuyển nhượng thửa đất 875 tờ bản đồ 1b diện tích là 40m². Năm 2009 bà Nguyệt tách cho vợ chồng ông X bà T 255m². Năm 2004 ông X bà T được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích là 255m² thuộc thửa 354-1 tờ bản đồ 1b. Thửa đất 875 diện tích 40m² ở phía Bắc thửa đất 354-1.

Đến năm 2010 ông X xin tách 19,2 m² từ thửa 354-1 thành thửa 904 tờ bản đồ 1b. Sau đó, vợ chồng ông X bà T đã chuyển nhượng thửa đất 904 và thửa đất 875 cho anh Vũ Văn T3 với diện tích 59,2m² anh T3 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau khi, tách và bán thửa đất 904 cho anh T3 thì diện tích thửa 354-1 C2 diện tích là 235,8m².

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 03/2020/DS-ST ngày 08 tháng 01 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định đã quyết định. Căn cứ Điều 203 Luật đất đai; Điều 166 của Bộ luật dân sự, Điều 147; Điều 271 Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Mai Quang C (tức Mai Quang C1), cụ thể: Xác nhận ông Đinh Văn X và bà Nguyễn Thị T đã lấn chiếm của gia đình ông Mai Quang C một phần diện tích đất ở phía Tây thửa đất của ông C, diện tích đất gia đình ông X bà T lấn chiếm là 19,5 m²; cụ thể số đo các cạnh như sau: Từ mép ranh giới nhà ông C và nhà ông K kéo dài về phía Tây là 1,5m; từ hai điểm này kéo dài đến giọt gianh phía Đông Bắc chuồng chăn nuôi nhà ông X bà T đã xây. Buộc ông X và bà Thuỷ phải trả lại phần đất đã lấn chiếm cho gia đình ông C C2 số đo các cạnh như sau: Từ mép ranh giới nhà ông C và nhà ông K kéo dài về Tây là 1,5m; từ hai điểm này kéo dài đến giọt gianh phía Đông Bắc chuồng chăn nuôi nhà ông X bà T đã xây. (C2 sơ đồ kèm theo).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên án phí và quyền kháng cáo của các đương S1.

Ngày 22-01-2020 ông Đinh Văn X kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung không nhất trí trả lại 19,5m² đất cho ông C và yêu cầu gia đình ông C phải đền bù cho gia đình ông 39 cây chuối, 02 cây xanh, 01 cây xà cừ và 01 cây xoan.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Anh Đ và chị M là người đại diện theo ủy quyền của ông C giữ nguyên đơn khởi kiện và đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên án sơ thẩm buộc ông X bà T phải trả cho ông C 19,5m² đất.

Ông X giữ nguyên đơn kháng cáo và trình bày: Giữa gia đình ông và gia đình ông C đã xác định mô mốc phía Nam là chuồng chăn nuôi do gia đình ông bà xây dựng, còn phía về phía Bắc hai bên đã nhận mô mốc là cây xoan ranh giới hai bên đã sử dụng ổn định N ông bà không nhất trí trả lại 19,5m² đất cho gia đình ông C.

Bà T nhất trí với lời trình bày của ông X.

Kiểm sát viên - Viện kiểm sát tỉnh Nam Định phát biểu ý kiến: Về tố tụng, quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân theo các quy định Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự chấp hành đúng các quy định pháp luật tố tụng dân sự, quyền lợi của các đương sự được bảo đảm. Về đường lối giải quyết vụ án, các đương sự thống nhất chuồng chăn nuôi xây dựng từ năm 1994 không có tranh chấp N xác định ranh giới phía Nam giữa thửa đất ông C và thửa đất ông X là giọt gianh cách tường chuồng chăn nuôi 15cm. Không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông Đinh Văn X về việc không đồng ý trả lại 19,5m² đất cho ông C về hướng Bắc, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 BLTTDS giữ nguyên án sơ thẩm. Án phí giải quyết theo pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, xét thấy:

Về quan hệ pháp luật: Ông C khởi kiện yêu cầu ông X bà T phải trả 54m² đất dọc theo thửa đất giữa hai nhà. Ông X cho rằng ranh giới giữa gia đình ông C và gia đình ông X đã được hai bên xác định mô mốc và sử dụng ổn định. Do vậy, xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp ranh giới quyền sử dụng đất.

Đối với ranh giới về phía Nam giữa thửa đất gia đình ông X và thửa đất gia đình ông C: Hai bên đều thống nhất chuồng chăn nuôi do gia đình ông C đã xây dựng từ khoảng năm 1994 nay không tranh chấp. Vì vậy, xác định ranh giới phía Nam giữa thửa đất gia đình ông X bà T và thửa đất gia đình ông C là các đoạn thẳng DE dài 0,53m; DC dài 11m đều cách tường chuồng chăn nuôi của ông X bà T là 15cm. Có sơ đồ kèm theo.

Xét kháng cáo ông X không nhất trí trả ông C $19,5\text{m}^2$ ở phía Bắc thửa đất thấy:

Thửa đất của ông X bà T đang sử dụng có nguồn gốc là của cụ Nguyệt (mẹ đẻ ông X), năm 2004 cụ Nguyệt tách cho vợ chồng ông X bà T 255m^2 đất thuộc thửa 534-1 tờ bản đồ số 1b. Năm 2010 ông X tách $19,2\text{m}^2$ thửa 534-1 thành thửa 904 tờ bản đồ số 1b. Sau đó, ông X chuyển nhượng thửa đất 904 C2 diện tích $19,2\text{m}^2$ và thửa đất 875 C2 diện tích 40m^2 (ông X đã nhận chuyển nhượng trước kia) cho ông Vũ Văn T3.

Sau khi, tách và chuyển nhượng cho ông T3 thì thửa đất 534-1 của ông X diện tích còn là $235,8\text{m}^2$. Theo sổ dã ngoại sau khi cụ Nguyệt tách 255m^2 đất cho vợ chồng ông X bà T thành thửa 534-1 và năm 2010 ông X tách $19,2\text{m}^2$ từ thửa 534-1 thành thửa 904 thì cạnh phía Bắc của thổ đất của ông X dài là 6,7m và cạnh phía Nam dài là 7,3m. Trong khi đó tại kết quả thẩm định tại chỗ ngày 26-9-2019 thì cạnh phía Bắc của thửa đất 543-1 của gia đình ông X có chiều dài là 8,8m, đối chiếu với sổ dã ngoại và sơ đồ tách thửa năm 2010 thì cạnh phía Bắc của thổ đất gia đình ông X tăng 2,1m. Tuy nhiên, ông C chỉ khởi kiện yêu cầu ông X bà T trả cạnh phía Bắc tính từ mép ranh giới nhà ông C và ông K kéo về phía Tây phía nhà ông X dài là 1,5m N ông X bà T phải trả cho ông C cạnh phía Bắc tính từ mép ranh giới nhà ông C và ông K xác định điểm B kéo về phía Tây là 1,5m xác định điểm A. Nối điểm B, điểm A với điểm C (là điểm mốc ranh giới phía Nam giữa thửa đất gia đình ông C và thửa đất gia đình ông X) thì diện tích tranh chấp là $(1,5\text{m} \times 26\text{m}) : 2 = 19,5\text{m}^2$.

Theo kết quả thẩm định tại chỗ thửa đất 543-1 của ông X bà T có diện tích là $324,08\text{m}^2$ thửa $88,28\text{m}^2$ so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho hộ ông X tại trang 4 thể hiện tích đất của hộ ông X sau khi trừ đi $19,2\text{m}^2$ chuyển nhượng cho ông T3 còn là $235,8\text{m}^2$.

Theo kết quả thẩm định tại chỗ diện tích đất của ông C là $970,13\text{m}^2$ thiếu so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là $1.1060\text{m}^2 - 970,13\text{m}^2 = 89,87\text{m}^2$, nếu cộng cả diện tích đất tranh chấp thì diện tích đất hộ ông C còn thiếu là $89,87\text{m}^2 - 19,5\text{m}^2 = 70,37\text{m}^2$. Trong khi đó ranh giới các hộ liền kề với hộ ông X và ranh giới các hộ liền kề với hộ ông C cũng đều ổn định không có tranh chấp. Theo tờ bản đồ năm 1993 ranh giới giữa nhà ông C và nhà ông X là đường thẳng kéo từ Nam đến Bắc và kéo thẳng đến cạnh Tây của 2m ngõ đi chung. Vì vậy, có căn cứ xác định ông X bà T đã lấn chiếm đất của ông C và buộc ông X bà T phải trả lại cho ông C $19,5\text{m}^2$ đất.

Xác định ranh giới giữa thửa đất gia đình ông C và thửa đất gia đình ông X bà T là đoạn thẳng nối các điểm A,C,D,E C2 sơ đồ kèm theo.

Đối với phần đất tăng thêm ông X cho rằng ông được ông M cho khi chuyển nhượng đất cho ông Lân, ông M cũng xác nhận cho đất ông X nhưng ông M và ông X là anh em ruột, mặt khác chính quyền địa phương xã Nghĩa

Trung cấp không có việc tặng cho đất như ông X trình bày. Do vậy, không có căn cứ chấp nhận lời trình bày của ông X.

Xét kháng cáo về việc yêu cầu phải bồi thường 39 cây chuối, 02 cây xanh, 01 cây xà cừ và 01 cây xoan thây: Quá trình giải quyết vụ án cấp sơ thẩm đã giải thích pháp luật và yêu cầu ông X phải làm đơn yêu cầu độc lập và nộp những tài liệu chứng cứ kèm theo nhưng ông X không hợp tác thực hiện. Cấp sơ thẩm đã tách ra giải quyết bằng vụ án khác N cấp phúc thẩm không xem xét.

Từ những phân tích trên xét thấy không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông X mà giữ nguyên án sơ thẩm.

Án phí dân sự phúc thẩm: Ông X phải nộp theo quy định của pháp luật nhưng được đối trừ với số tiền ông X đã nộp tạm ứng án phí dân S1 phúc thẩm tại Chi cục thi hành án huyện Nghĩa Hưng.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị cấp phúc thẩm không xem xét giải quyết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 203 Luật đất đai; Điều 166 của Bộ luật dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Đinh Văn X. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

1. Xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Mai Quang C (tức Mai Quang C1).

Xác định ranh giới về phía Nam giữa thửa đất gia đình của ông C và thửa đất của gia đình ông X bà T là các đoạn thẳng DE dài 0,53m; DC dài 11m cách tường chắn nuôi của gia đình ông X bà T 15 cm. C2 sơ đồ kèm theo.

2. Buộc ông Đinh Văn X và bà Nguyễn Thị T phải trả lại 19,5 m² đất lấn chiếm của gia đình ông Mai Quang C có vị trí phía Bắc tính từ mép ranh giới giữa nhà ông C và nhà ông K xác định là điểm B kéo về phía Tây dài 1,5m xác định điểm A; từ điểm A và điểm B kéo xuống phía Nam đến điểm C (là mốc giới phía Nam). Có sơ đồ kèm theo.

3. Xác định ranh giới giữa thửa đất gia đình ông C và thửa đất gia đình ông X bà T là đoạn thẳng nối các điểm A,C,D,E. Có sơ đồ kèm theo.

Các đương sự có trách nhiệm liên hệ với các cơ quan có thẩm quyền để chỉnh lý giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quyết định của bản án.

4. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông X phải nộp là 300.000đ nhưng được đối trừ với số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm ông X đã nộp là 300.000đ theo biên lai số 0000874 ngày 03-02-2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Nghĩa Hưng. Ông X đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

5. Án phí dân sự sơ thẩm: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông Mai Quang C. Ông X và bà T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 1.462.500đ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- TAND huyện Nghĩa Hưng;
- Chi cục THADS huyện Nghĩa Hưng;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Vũ Thị Thu
(Đã ký)**